

CÔNG TY TNHH XD KIÊN THÀNH

២០០០២២

Số: Số 288/2026/TB-KT

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

២០០០២២

An Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

DẪN Số: 11048
Ngày: 03/4/2026
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

CÔNG BỐ NĂNG LỰC

HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ giấy chứng nhận thí nghiệm chuyên ngành thí nghiệm số 2290/GCN-SXD ngày 23/8/2024.

Công ty TNHH Xây dựng Kiên Thành công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng Kiên Thành.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1700522130 đăng ký lần đầu ngày 14/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 23/01/2026, Nơi cấp: Phòng Doanh nghiệp – Hợp tác Đầu tư thuộc Sở Tài Chính tỉnh An Giang.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 37 Trần Hưng Đạo, Khu phố 7 Dương Đông, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang.

Văn phòng đại diện tại Rạch Giá : Lô 7 căn 1 Trần Quang Khải, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang .

Văn phòng đại diện tại TP.HCM : 45A Cửu Long, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: HOÀNG ĐỨC NHÃN Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0297.3929019 Email: kienthanhpq@yahoo.com

Mã số thuế: 1700522130 Website: kienthanhcons.com

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Công ty TNHH Xây dựng Kiên Thành

Địa chỉ: Lô 7, căn 1, đường Trần Quang Khải, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Điện thoại: 0297.3929019

Email: kienthanhpq@yahoo.com

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 32.004 do Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang trước đây cấp tại Giấy chứng nhận số 2290/GCN-SXD ngày 23/8/2024).

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
1.	Xác định độ sụt hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn, que đầm thử độ sụt bê tông xi măng...
2.	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:2022	Máy nén, thước lá kim loại, đệm truyền tải
3.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy nén, cơ cấu truyền lực, thước đo.
THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			
4.	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng, máy lắc sàng, tủ sấy
5.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình dung tích, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay chứa, côn thử độ sụt, phễu chứa, que chọc kim loại, bình hút ẩm, sàng.
6.	Xác định KL riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, bàn chải sắt, tủ sấy.
7.	Xác định KL thể tích; độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đong, cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại, thanh gỗ.
8.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu.
9.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính, que.
10.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Ống dung tích, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, sàng, thang màu, thuốc thử.

11.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cưa đá, máy mài nước, thước kẹp, thùng.
12.	Xác định cường độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén thủy, xi lanh, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thùng ngâm mẫu.
13.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	Máy Los Angeles, bi thép, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy.
14.	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy.
15.	Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, búa con.
16.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, đĩa thủy tinh.
BÊ TÔNG NHỰA			
17.	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, bộ khuôn đúc mẫu, búa đầm bằng kim loại, bệ đầm hình trụ bằng gỗ, bộ gá giữ khuôn đúc, bộ phận nén, dụng cụ tháo mẫu, tủ sấy, thiết bị trộn BTN, thiết bị gia nhiệt, bể ổn nhiệt, khay, dụng cụ chứa nhựa đường nóng, bay trộn, thanh gạt, nhiệt kế, cân, thước kẹp, găng tay chịu nhiệt, găng tay cao su chịu nhiệt, bút đánh dấu mẫu, môi múc, thìa.
18.	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm, các dụng cụ phụ trợ.
19.	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Sử dụng bộ sàng mắt vuông ASTM, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng.
20.	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, thể tích bình đựng mẫu, cân, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay, giẻ lau.
21.	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế.
22.	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân, dụng cụ trộn.
23.	Phương pháp xác định độ góc	TCVN 8860-7:2011	Ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính,

	cạnh của cát		khay, dao gạt bằng thép, cân.
24.	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Cân điện tử chính xác đến 0,01g, bộ đồ gá để cân thủy tinh, tủ sấy, nhiệt kế
25.	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Bình tỷ trọng hoặc bình hút chân không, máy hút chân không; Bộ khuôn đúc mẫu và búa đầm; Cân điện tử độ chính xác đến 0,5 °C
26.	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân điện tử chính xác 0,01g; bình định mức hoặc ống đong; tủ sấy
27.	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân điện tử; bình tỷ trọng và máy hút chân không; ống đong; cân kỹ thuật chính xác 0,01g
28.	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall; đầu nén marshall, bể ổn nhiệt; đồng hồ đo áp lực và đo biến dạng; bộ khuôn đúc mẫu và búa đầm; tủ sấy, nhiệt kế có độ chính xác đến 0,5 °C
29.	Xác định KLTT và KLR của các phối liệu trong hỗn hợp BTN	TCVN 8860-4:2011; TCVN 8860-5:2011	Bình tỷ trọng hoặc bình hút chân không; máy hút chân không, đồng hồ đo áp suất, cân điện tử chính xác đến 0,1g, bể ổn nhiệt, nhiệt kế; cân điện tử có độ chính xác đến 0,01g, bể nước, giá treo hoặc giỏ lưới; tủ sấy, nhiệt kế
30.	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820-11; TCVN 13567:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, cát, bột khoáng và nhựa, tủ sấy
BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA			
31.	Hình dáng bên ngoài; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020; 22TCN 58:1984	Cân, tủ sấy, hộp nhôm, bình tỷ trọng, máy hút chân không, bình để rửa, nhiệt kế, sàng, bình hút ẩm, dụng cụ vi ca, bát sắt, bát sứ, dầu ak 15, dao thép.
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
32.	Xác định khối lượng riêng tỷ trọng	TCVN 4195:2012	Nước cất, dầu hỏa, cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối sứ và chày sứ, rây có lưới, bếp cát, tủ sấy, bơm chân không có cả bình hút chân không, tỷ trọng kế, phễu nhỏ, thiết bị ổn nhiệt, cốc nhỏ hoặc hộp nhôm có nắp.
33.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm có

			canxi clorua, cốt nhỏ, rây, cốt sỏi và chày sỏi có đầu bọc cao su, khay men để phơi đất.
34.	Xác định giới hạn chảy và giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012; ASTM D4318-00	Đế gỗ, khuôn, dụng cụ hình nón, quả cầu thẳng bằng, tay cầm, vạch dầu, tấm kính nhám, dụng cụ Casagrande, bộ dao đánh chảy dẻo.
35.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Bộ sàng, cân, tủ sấy, máy sàng lắc, nhiệt kế, bình hút ẩm, thiết bị nghiền đất, khay đựng đất, và các dụng cụ khác, bình phun tia, dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm.
36.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995	Máy cắt một mặt, hộp cắt phải bao gồm phần không di động, hộp cắt phải được lắp trên đế, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, máy dùng để nén, phân hộp cắt, hộp nén, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang, quả cân.
37.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải với hệ thống cách tay đòn, thiết bị đo biến dạng.
38.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	Cối đầm, cân, sàng, bình phun nước, tủ sấy, bình hút ẩm, hộp nhôm, dao gọt đất, khay, vải để phủ đất, vò để đập vỡ đất, cối sỏi và chày.
39.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	Dao vòng, thước cặp, dao cắt, cân kỹ thuật, tấm kính, hộp nhôm, tủ sấy, bình hút ẩm.
40.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất CBR – Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối, tấm đệm, chày đầm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng, dụng cụ tháo mẫu, các dụng cụ khác...
41.	Đầm nén tiêu chuẩn đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020; 22TCN 333:2006	Cối đầm, chày, dụng cụ tháo mẫu, cân, tủ sấy, sàng, thanh thép gạt cạnh, dụng cụ trộn mẫu, dụng cụ làm toi mẫu, hộp giữ ẩm.
NHỰA BITUM			
42.	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005	Thiết bị xuyên kim, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyên tiếp, đồng hồ, nhiệt kế.
43.	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005	Khuôn, bể ổn nhiệt, thiết bị thử nghiệm, nhiệt kế.

44.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (pp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Vòng, tấm lót, bi, vòng dẫn hướng, bình, giá treo, nhiệt kế.
45.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005	Thiết bị cốc hồ cleveland, nhiệt kế, ngọn lửa thử.
46.	Xác định lượng tổn thất khi nung ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu.
47.	XĐ lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005	Cốc thử, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su, bình Erlenmeyer, tủ sấy.
48.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế.
49.	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế.
THÍ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			
50.	Thử kéo	TCVN 197:2014	Máy kéo thép, bộ kẹp cân, thước thép
51.	Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy kéo thép, cân, thước thép bộ kẹp, chày uốn
THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
52.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 12791:2020 ; 22TCN 02:1971	Dao đai, đai dao, thanh gạt, cân kỹ thuật, tủ sấy, các dụng cụ phụ trợ khác.
53.	Độ ẩm, khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346:2006	Bộ phễu rót cát, cát chuẩn, cân, tủ sấy, sàng, các loại dụng cụ khác.
54.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước thẳng, con nôm, chổi.
55.	PP thử nghiệm XĐ mô đun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Hệ thống chất tải, kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ, thước ni vô.
56.	XĐ mô đun đàn hồi E chung của kết cấu áo đường bằng Benkelman	TCVN 8867:2011	Cần đo võng benkelman, đồng hồ đo biến dạng, xe đo võng
57.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Ống đồng cát, bàn xoa, bàn chải, thước, tấm chắn gió, cân, dụng cụ hướng dẫn giao thông.
58.	Phương pháp không phá hủy sử dụng súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy, phấn, thước và phụ kiện đi kèm
59.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (Thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2022	Bộ thiết bị thí nghiệm SPT, thiết bị khoan, đầu xuyên, búa.
60.	Đất xây dựng – Phương pháp	TCVN 9354:2012	Thiết bị chất tải, neo giữ, tấm nén, hệ

	xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng		kích đồng hồ gia tải đo lún
61.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573:94; TCVN 10184:2021	Máy cắt cánh, giá đỡ, bộ phận tạo mô men cắt, cần, cánh cắt
62.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012	Máy toàn đạc điện tử
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY			
63.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước đo
64.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng.
65.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo.
66.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Thùng, cân kỹ thuật

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KIÊN THÀNH cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong bản công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
GIÁM ĐỐC**



HOÀNG ĐỨC NHÃN

GIẤM ĐỐC



HỌA NGỮ CHỨNG NHẬN

PHỤ LỤC I
DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Stt	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
I. Thiết bị dùng chung					
1	Tủ đựng hồ sơ	Cái	VN	1	
2	Cân điện tử 620g	Cái	Nhật	1	
3	Cân điện tử 6kg	Cái	Nhật	1	
4	Cân điện tử 4,2kg	Cái	Nhật	1	
5	Cân 30kg	Cái	Nhật	1	
6	Căn 30kg	Cái	Nhật	1	
7	Tủ sấy	Cái	TQ	2	
8	Thước kẹp	Cái	IBST	1	
9	Bếp từ (bếp cách cát)	Cái	Nga	1	
10	Bộ rây sàng đường kính 300mm	Bộ	TQ	1	
11	Bộ rây sàn AASHTO đường kính 200mm	Bộ	Mỹ	1	
12	Thùng định lượng tiêu chuẩn: 1, 2, 5, 10, 20 lít	Cái	IBST	5	
13	Hộp lấy mẫu (lon lớn)	Cái	VN	191	
14	Hộp lấy mẫu (lon nhỏ)	Cái	VN	218	
15	Khay đựng mẫu	Cái	VN	13	
16	Máy cắt bàn	Cái		1	
17	Búa, dao bay...	bộ	VN	1	
II. Thiết bị thí nghiệm bê tông nặng					
18	Máy nén bê tông điện tử TY A - 2000	Cái	TQ	1	
19	Máy nén bê tông điện tử TY A - 2000	Cái	TQ	1	
20	Máy nén bê tông cơ	Cái	TQ	1	
21	Côn, que đâm thử độ sụt	Bộ	IBST	1	
22	Khuôn mẫu 15x15	cái	IBST	6	
23	Khuôn trụ 15x30	cái	IBST	9	
III. Thiết bị thử cốt liệu bê tông					
24	Máy mài mòn Los Angeles	Cái	IBST	1	
25	Thùng rửa cốt liệu	Cái	IBST	2	
26	Phễu xác định thể tích xốp	Cái	IBST	1	
27	Thùng ngâm mẫu	Cái	VN	1	
28	Bình dung tích	Cái	IBST	1	
29	Khuôn thử nén đập D75	Bộ	IBST	1	
30	Khuôn thử nén đập D150	Bộ	IBST	1	

IV. Thiết bị thí nghiệm bê tông nhựa					
31	Máy nén mashall (bao gồm máy và khuôn mashall)	Bộ	TQ	1	
32	Thiết bị hút chân không (chân không kế)	Bộ	VN	1	
33	Bộ gá + chày đầm mashall	Bộ	VN	1	
34	Lò nung 1000°C	Cái	TQ	1	
35	Bể điều nhiệt 60°C	Cái	TQ	1	
36	Bình tỷ trọng 2000ml	Cái	TQ	1	
37	Kích đùn mẫu bê tông nhựa	Bộ	VN	1	
38	Nhiệt kế làm loại 250	Cái	HQ	1	
39	Nhiệt kế làm loại 350	Cái	HQ	1	
40	Nhiệt kế thủy tinh 110°C, 100°C	Cái	N/A	2	
41	Máy tách nhựa	Cái	VN	1	
42	Khuôn giã mẫu mashall	Cái	VN	18	
V. Thiết bị thí nghiệm bột khoáng					
43	Máy hút chân không	Cái		1	
44	Bát sứ	Cái		10	
45	Dao thép	Cái		3	
VI. Thiết bị thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý đất					
46	Máy nén đất tam liên	Cái	TQ	3	
47	Máy cắt đất	Cái	TQ	1	
48	Máy nén CBR	Cái	TQ	1	
49	Đồng hồ so (0-10mm)	Cái	TQ	10	
50	Bình tỷ trọng 1000ml thí nghiệm đất	Bình	TQ	17	
51	Bình định mức 1000ml	Bình	TQ	4	
52	Bình định mức 500ml	Bình	TQ	4	
53	Bình định mức 250ml	Bình	TQ	2	
54	Tỷ trọng kế thang B	Cái		1	
55	Cối sứ và chày	Bộ		1	
56	Dao đánh chày dèo	Cây		2	

57	Bộ làm chảy dẻo theo TCVN (Đế gỗ, khuôn, dụng cụ hình nón, quả cầu thăng bằng, tay cầm, vạch dấu.)	Bộ	TQ	1	
58	Thiết bị chảy Kasagrande	Bộ	VN	1	
59	Tấm kính nhám thí nghiệm giới hạn chảy dẻo	Tấm	Nhật	3	
60	Dao vòng XD dung trọng đất	Cái	TQ	19	
61	Tấm kính kỹ thuật	Cái	Nhật	5	
62	Bát đựng mẫu	Cái	TQ	6	
63	Kẹp gấp mẫu	Cái	TQ	1	
64	Dụng cụ khuấy	Cái	IBST	1	
65	Bình giữ ẩm	Cái	TQ	1	
66	Khuôn CBR	Cái	TQ	6	
67	Đầm nén tiêu chuẩn (bao gồm cối và chày đầm)	Bộ	IBST	1	
68	Đầm nén cải tiến (bao gồm cối và chày đầm)	Bộ	IBST	1	
VII. Thiết bị thí nghiệm nhựa Bitum					
69	Máy kim lún	Bộ	TQ	1	
70	Máy hóa mềm	Bộ	TQ	1	
71	Máy bắt lửa	Bộ	TQ	1	
72	Máy giãn dài	Bộ	TQ	1	
73	Thiết bị kiểm tra độ tổn thất khi nung nhựa đường	Bộ	TQ	1	
VIII. Thiết bị kim loại và liên kết hàn					
74	Máy kéo và uốn thép WE-1000B	Bộ	TQ	1	
75	Thước thép bộ kẹp,..	Bộ	IBST	1	
IX. Thiết bị thí nghiệm hiện trường					
76	Dao đai, đai dao	Bộ	VN	1	
77	Phễu rót cát	Bộ	TQ	2	
78	Thước 3m đo độ bằng phẳng mặt đường	Bộ	IBST	1	
79	Cần Benkelman (gồm kích+tấm ép cứng)	Bộ	IBST	1	
80	Búa thử độ cứng bê tông	Bộ	Ý	1	
81	Thiết bị thí nghiệm SPT, thiết bị khoan, đầu xuyên, búa	Bộ	VN	1	
82	Thiết bị cắt cánh	Bộ	TQ	1	
83	Máy thủy bình	Cái	THỤY SỸ	1	
84	Máy toàn đạc điện tử	Cái	THỤY SỸ	1	
85	Giương, mia,...	Bộ	TQ	1	

86	Máy khoan bê tông (bao gồm mũi khoan)	Bộ	HQ	1	
87	Máy dò thép	Cái	Malaysia	1	
88	Máy phát điện	Cái	TQ	1	
89	Máy bơm chìm	Cái	TQ	2	
90	Giàn thử tải đất nền	Bộ	VN	1	
91	Bộ kích thủy lực 20 tấn	Bộ	Đài Loan	1	
92	Đồng hồ so (0-50)mm (bao gồm đồng và chân đế)	Bộ	TQ	4	
93	Máy khoan cầm tay	Cái	HQ	2	

PHỤ LỤC II
DANH MỤC KIỂM ĐỊNH-HIỆU CHUẨN

Stt	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Số hiệu chuẩn	Ngày hiệu chuẩn	Ngày đề nghị hiệu chuẩn
I. Thiết bị dùng chung						
1	Cân điện tử 620g	Cái	1	ST-2179	17/07/2025	17/07/2026
2	Cân điện tử 6kg	Cái	1	ST-2160	17/07/2025	17/07/2026
3	Cân điện tử 4,2kg	Cái	1	ST-2181	17/07/2025	17/07/2026
4	Cân 30kg	Cái	1	ST-2184	17/07/2025	17/07/2026
5	Cân 30kg	Cái	1	ST-0678	16/03/2026	16/03/2027
6	Tủ sấy	Cái	2	ST-2116; ST-2117	17/07/2025	17/07/2026
7	Máy nén bê tông điện tử TY A - 2000	Cái	1	ST-2178	17/07/2025	17/07/2026
8	Máy nén bê tông điện tử TY A - 2000	Cái	1	ST-0754	16/03/2026	16/03/2027
9	Máy nén bê tông cơ	Cái	1	ST-2189	17/07/2025	17/07/2026
10	Máy kéo và uốn thép WE-1000B	Bộ	1	ST-0753	16/03/2026	16/03/2027
11	Máy nén mashall (bao gồm máy và khuôn mashall)	Bộ	1	ST-2185	17/07/2025	17/07/2026
12	Thiết bị hút chân không (chân không kế)	Bộ	1	ST-1812	17/07/2025	17/07/2026
13	Lò nung 1000°C	Cái	1	ST-2122	17/07/2025	17/07/2026
14	Bể điều nhiệt 60°C	Cái	1	ST-2124	17/07/2025	17/07/2026
15	Nhiệt kế làm loại 250	Cái	1	ST-2118	17/07/2025	17/07/2026
16	Nhiệt kế làm loại 350	Cái	1	ST-2119	17/07/2025	17/07/2026

17	Nhiệt kế thủy tinh 110°C, 100°C	Cái	2	ST-2120; ST-2121	17/07/2025	17/07/2026
18	Máy tách nhựa	Cái	1	ST-2182	17/07/2025	17/07/2026
19	Máy cắt đất	Cái	1	ST-2187	27/07/2025	27/07/2026
20	Máy nén CBR	Cái	1	ST-2186	27/07/2025	27/07/2026
21	Đồng hồ so (0-10mm)	Cái	10	ST-2169; ST-2170; ST-2171; ST-2172; ST-2173; ST-2174; ST-2175; ST-2176; ST-2177	27/07/2025	27/07/2026
22	Máy kim lún	Bộ	1	ST-2125	17/07/2025	17/07/2026
23	Máy hóa mềm	Bộ	1	ST-2123	17/07/2025	17/07/2026
24	Máy bắt lửa	Bộ	1	ST-2126	17/07/2025	17/07/2026
25	Máy giãn dài	Bộ	1	ST-2195	17/07/2025	17/07/2026
26	Cần Benkelman (gồm kích+tâm ép cứng)	Bộ	1	ST-2188	17/07/2025	17/07/2026
27	Búa thử độ cứng bê tông	Bộ	1	ST-2183	17/07/2025	17/07/2026
28	Bộ kích thủy lực 20 tấn	Bộ	1	ST-2194	17/07/2025	17/07/2026
29	Đồng hồ so (0-50)mm (bao gồm đồng và chân đế)	Bộ	4	ST-2190; ST-2191; ST-2192; ST-2193	17/07/2025	17/07/2026
30	Máy thủy bình	Cái	1	No:5740289	12/03/2026	22/03/2027
31	Máy toàn đạc điện tử	Cái	1	No:1338737	12/03/2026	22/03/2027

PHỤ LỤC III
DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thanh	1977	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư địa chất - Chứng nhận quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Chứng chỉ sơ cấp nghề Thí nghiệm kiểm định vật liệu và cấu kiện công trình xây dựng - Quản lý chung 	Trưởng phòng thí nghiệm	
2	Trần Văn Chiêm	1987	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng - Chứng chỉ sơ cấp nghề Thí nghiệm kiểm định chất lượng XD cảng hàng không (ct: dd-cn, cầu cạn - đường và sân bay) Chứng nhận kỹ thuật thử nghiệm đất xây dựng - Thí nghiệm vật liệu xây dựng, bê tông nhựa, thí nghiệm bê tông trong phòng và hiện trường 	Thí nghiệm viên	
3	Trần Quốc Toàn	1990	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng - Chứng nhận thí nghiệm Phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất - Thí nghiệm các tính chất cơ lý mẫu đất trong phòng. 	Thí nghiệm viên	
4	Lê Quốc Tuấn	1987	<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân xây dựng - Chứng nhận Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính cơ - lý của đất. - Thí nghiệm các tính chất cơ lý mẫu đất trong phòng và hiện trường 	Thí nghiệm viên	
5	Nguyễn Thanh Hùng	1995	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng - Chứng nhận Thí nghiệm Phương pháp thử các tính chất cơ - lý và Vật liệu kim loại và Liên kết hàn hiện trường, kiểm tra tính cơ - lý của đất. - Thí nghiệm các tính chất cơ - lý Vật liệu kim loại và Liên kết hàn (kéo, uốn thép) 	Thí nghiệm viên	

PHỤ LỤC IV

**DANH SÁCH CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG
TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KIÊN THÀNH ĐANG HOẠT ĐỘNG**

(Kèm theo thông báo số 288/TB-KT ngày 03/4/2026)

STT	Tên phòng thí nghiệm	Quyết định thành lập	Địa chỉ hiện tại	Ghi chú
1	Phòng Thí nghiệm	QĐ số 26/2026/QĐ-KT ngày 09/01/2026	Lô 7, căn 1, đường Trần Quang Khải, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	Quyết định đính kèm
2	Phòng Thí nghiệm hiện trường và Khảo sát tại Phú Quốc	QĐ số 27/2026/QĐ-KT ngày 09/01/2026	Nam Bãi Trường, khu phố Đường Bào Dương Tơ, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang	Quyết định đính kèm

02
*

QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH XD KIÊN THÀNH
Về việc: Bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm Công ty

GIÁM ĐỐC

- Căn cứ Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 56.02.000519 ngày 10 tháng 10 năm 2006 (đăng ký lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2009) của Công ty TNHH XD Kiên Thành do Ban quản lý Phát triển Đảo Phú Quốc cấp.
- Căn cứ điều lệ của Công ty TNHH Xây Dựng Kiên Thành.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty TNHH Xây Dựng Kiên Thành
- Xét năng lực công tác của nhân viên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay quyết định bổ nhiệm Ông **Nguyễn Văn Thanh**. Kỹ sư địa chất, dầu khí.

Sinh ngày: 10/03/1977

CMND số: 191397696, cấp ngày 14/02/2007, tại Công an Thừa Thiên Huế.

HKTT: 87/14/1/1a đường số 9, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP.HCM.

Giữ chức vụ Trưởng Phòng Thí Nghiệm Công ty TNHH Xây dựng Kiên Thành.

Điều 2: Các Trưởng phòng, các bộ phận liên quan và Ông **Nguyễn Văn Thanh** chiếu Quyết định thi hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2

- Lưu VP

CTY TNHH XD KIÊN THÀNH

Giám đốc



Hoàng Đức Nhân

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
KIÊN THÀNH**

Số: 26/2026/QĐ-KT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KIÊN THÀNH
V/v: Thành lập Phòng Thí nghiệm

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700522130 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. (Đăng ký lần đầu ngày 14/11/2006) Đăng ký thay đổi lần thứ 9: ngày 20 tháng 03 năm 2023.
- Căn cứ điều lệ của Công Ty TNHH Xây Dựng Kiên Thành.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công Ty TNHH Xây Dựng Kiên Thành.
- Xét năng lực, chuyên môn của các CBCNV Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Phòng Thí nghiệm của Công ty gồm các Ông có tên sau đây:

- | | | |
|--------------------------|---------------|---------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Thanh | - Kỹ sư | - Phó GD kiêm Trưởng phòng thí nghiệm |
| 2. Ông Trần Văn Chiêm | - Kỹ sư | - Thí nghiệm viên |
| 3. Ông Trần Quốc Toàn | - Kỹ sư | - Thí nghiệm viên |
| 4. Ông Lê Quốc Tuấn | - Kỹ thuật XD | - Thí nghiệm viên |
| 5. Ông Nguyễn Thanh Hùng | - Kỹ sư | - Thí nghiệm viên |

Điều 2: Phòng Thí Nghiệm được đặt tại địa chỉ: Lô 7 Căn 1 Trần Quang Khải, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Phòng Thí nghiệm phải tự sắp xếp, lên kế hoạch, điều động phân chia công việc, trách nhiệm cho từng thành viên của mình để đảm bảo tiến độ thực hiện của từng hợp đồng.

Điều 3: Trong trường hợp Công ty có công việc đột xuất, Ban Giám đốc sẽ điều động nhân sự ở Phòng Thí nghiệm sang Bộ phận khác cùng tham gia giải quyết.

Điều 4: Ban Lãnh Đạo Phòng Thí nghiệm sẽ chịu trách nhiệm soát xét các hồ sơ, văn bản,... của Phòng khi xuất trình ký, đánh giá năng lực chuyên môn, thái độ, mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên để xét duyệt khen thưởng cho từng công trình cuối năm.

Điều 5: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông có tên ở Điều 1 và các Phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Theo Điều 2.
- Lưu VP.

Giám đốc



Hoàng Đức Nhân

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
KIÊN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 27/2026/QĐ-KT

An Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KIÊN THÀNH

(V/v: Thành lập phòng Thí nghiệm hiện trường và Khảo sát tại Phú Quốc)

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700522130 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. (Đăng ký lần đầu ngày 14/11/2006) Đăng ký thay đổi lần thứ 9: ngày 20 tháng 03 năm 2023.
- Căn cứ điều lệ của Công Ty TNHH Xây Dựng Kiên Thành.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công Ty TNHH Xây Dựng Kiên Thành.
- Xét năng lực, chuyên môn của các CBCNV Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập phòng Thí nghiệm và Khảo sát hiện trường của Công ty tại địa chỉ: Nam Bãi Trường, Khu phố Đường Bào Dương Tơ, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang gồm nhân sự và thiết bị thí nghiệm sau đây:

Nhân sự phòng thí nghiệm hiện trường:

- Ông Trần Văn Chiếm - Kỹ sư XD - Trưởng Chi nhánh Phú Quốc
- Ông Lê Quốc Tuấn - Kỹ thuật XD - Thí nghiệm viên

Thiết bị dụng cụ phòng thí nghiệm hiện trường (có danh mục kèm theo):

Điều 2: Ông Trần Văn Chiếm - Trưởng Chi nhánh Phú Quốc chịu trách nhiệm quản lý điều hành, sắp xếp, lên kế hoạch, điều động phân chia công việc, cho từng thành viên của phòng thí nghiệm hiện trường và Khảo sát đảm bảo tiến độ thực hiện của từng hợp đồng.

Điều 3: Trong trường hợp Công ty có công việc đột xuất, Ban Giám đốc sẽ điều động nhân sự ở phòng Thí nghiệm và Khảo sát sang Bộ phận khác cùng tham gia giải quyết.

Điều 4: Ban Lãnh Đạo phòng Thí nghiệm và Khảo sát sẽ chịu trách nhiệm soát xét các hồ sơ, văn bản, ... của phòng khi xuất trình ký, đánh giá năng lực chuyên môn, thái độ, mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên để xét duyệt khen thưởng cho từng công trình cuối năm.

Điều 5: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông có tên ở Điều 1 và các Phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Theo Điều 2.
- Lưu VP.



Giám đốc

Hoàng Đức Nhân